

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1005/2024/DS-PT
Ngày 29 tháng 11 năm 2024
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 555/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 293/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3126/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số F Quốc lộ B, Khu phố E, Thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1943 (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số D Đường C, Ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Quang T1, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số F Quốc lộ B, Khu phố E, Thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1952 (vắng mặt);

3. Bà Huỳnh Ngọc L1, sinh năm 1956 (vắng mặt);

4. Ông Huỳnh Trung C, sinh năm 1959 (vắng mặt);

5. Ông Huỳnh Trung L2, sinh năm 1961 (vắng mặt);

6. Bà Huỳnh Thị Ngọc S, sinh năm 1963 (vắng mặt);

7. Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1966 (vắng mặt);

8. Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1968 (vắng mặt);

9. Ông Huỳnh Trung C1, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà L1, ông C, ông L2, bà S, ông D, ông K, ông C1: Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1957 (Theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2022);

10. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố D, Thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Đ: Ông Võ Minh H1, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố D, Thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 27/02/2023 tại Văn phòng C3).

11. Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch (Theo giấy ủy quyền số 442/GUQ-UBND ngày 04/01/2023)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là bà Huỳnh Ngọc P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc P trình bày:

Phần đất tranh chấp có diện tích còn lại khoảng 69,6m² thuộc thửa 176, tờ bản đồ số 14, bộ địa chính thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của ông Huỳnh Bội M (cha của bà Huỳnh Ngọc P) nhận chuyển nhượng lại của bà Lâm Thị L3.

Phần đất trên ông Huỳnh Bội M có cho bà Ngô Tăng L4 mượn ở nhờ. Sau khi ở nhờ một thời gian thì bà L4 bỏ đi. Sau đó ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị H tự ý vào ở. Ngày 06/8/2004, bà H làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Bà H, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ gốc số 1075A/2004 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C cấp ngày 21/10/2004. Ngày 06/7/2011, ông T và bà H chuyển nhượng phần diện tích đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Bà Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH609592, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00778 cấp ngày 29/9/2011.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông T và bà H phải tháo dỡ nhà, trả lại phần đất có diện tích khoảng 69,6m² thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: Số F Quốc lộ B, Khu phố E, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Huỳnh Bội M. Bà P sẽ đại diện cho các đồng thừa kế nhận lại phần diện tích đất trên và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1075A/2004 ngày 21/10/2004 của UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị H.

Đối với bị đơn bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn T: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn T không hợp tác, vắng mặt trong toàn bộ quá trình nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc P vì bà Đ đã nhận chuyển nhượng nhà đất nêu trên từ bà H và ông T theo đúng quy định của pháp luật và đang quản lý, sử dụng nhà đất đang tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 293/2024/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc P về việc yêu cầu bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn T trả lại phần đất có diện tích khoảng 69,6m² thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 66, địa chỉ: F Quốc lộ B, Khu phố E, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà P và các đồng thừa kế.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc P về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1075A/2004 ngày 21/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị H.

[3] Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Minh T2 và ông Hồng E về việc trả lại phần đất trống phía sau có diện tích khoảng 176m² thửa đất 175, tờ bản đồ 14, bộ địa chính thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc P về việc yêu cầu tháo dỡ hiện trạng trên phần đất phần đất có diện tích khoảng 69,6m² thửa 30, tờ bản đồ số 66, địa chỉ: F Quốc lộ B, Khu phố E, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/5/2024, bà Huỳnh Ngọc P kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Quang T1 thống nhất trình bày: Giữ nguyên kháng cáo, theo đó nội dung được thể hiện tại đơn nộp cho Tòa án, cụ thể: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do cụ Huỳnh L5 và cụ Ngô Thị X (ông bà nội của bà Huỳnh Ngọc P) nhận chuyển nhượng từ bà Lâm Thị L3 và để cha bà P là ông Huỳnh Bội M đứng tên bằng khoán vào năm 1970 với diện tích đất 875m². Sau này ông M có cho bà Ngô Tăng L4 ở nhờ trên một phần diện tích đất nêu trên. Đến năm 1990, bà L4 đi xuất cảnh thì gia đình bị đơn là bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn T mới chuyển đến sinh sống trên thửa đất này. Tranh chấp tại thửa đất nêu trên đã được UBND huyện C và UBND Thành phố H giải quyết thông qua 04 Quyết định (Quyết định số 174/QĐ-UB/98 ngày 02/4/1998 của UBND huyện C; Quyết định số 544/QĐ-UB-NC ngày 27/01/1999 của UBND Thành phố H; Quyết định số 5505/QĐ-UB-TD ngày 21/9/1999 của UBND Thành phố H và Quyết định số 700/QĐ-UB ngày 05/02/2001 của UBND Thành phố H). Tuy nhiên, bà P và ông T1 chỉ công nhận Quyết định số 700/QĐ-UB ngày 05/02/2001 của UBND Thành phố H để yêu cầu bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn T trả lại phần diện tích đất có diện tích 69,6m², thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 66, địa chỉ: Số F Quốc lộ B, Khu phố E, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, ông bà cũng xác nhận chưa thực hiện bất cứ giao dịch chuyển nhượng nào đối với thửa đất đang có tranh chấp nên việc bà H và ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở là không có căn cứ. Ngoài ra, đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bà Ngô Thị H được lập ngày 06/8/2004, tuy nhiên UBND huyện C lại xác nhận vào ngày 06/9/2003 là có sự sai lệch về thời gian. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Ngọc P đã được nộp trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Bà Huỳnh Ngọc P cho rằng nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của cha bà là ông Huỳnh Bội M, tuy nhiên, bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ngày 08/4/1991, UBND huyện C đã cấp giấy phép số 110/GP-UB cho phép cho bà Ngô Tăng L4 chuyển quyền sở hữu nhà ở đối với căn nhà được xây dựng trên thửa đất này cho bà Ngô Thị H. Sau đó, bà H được Sở nhà, đất Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép công nhận quyền sở

hữu nhà số 6225/GP-CS. Việc cấp giấy phép đã được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P không có yêu cầu đòi lại căn nhà trên đất và cũng không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ mới. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Huỳnh Ngọc L, Huỳnh Ngọc L1, Huỳnh Trung C, Huỳnh Trung L2, Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Trung D, Nguyễn Trung K, Nguyễn Trung C2, Nguyễn Thị Hồng Đ và UBND huyện C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Ngọc P (đại diện cho các đồng thừa kế của ông Huỳnh Bội M) với bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn T được Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân Thành phố H giải quyết như sau:

- Quyết định số 174/QĐ-UB/98 ngày 02/4/1998 của UBND huyện C với nội dung: *“Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Cúc H2, phần đất có diện tích 109m² tọa lạc tại Khu phố E, thị trấn C; Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Minh T2, phần đất có diện tích 354m² tọa lạc tại Khu phố E, thị trấn C; Không công nhận đơn khiếu nại đòi lại hai phần đất trên của ông Huỳnh Bội M”*.

- Quyết định số 544/QĐ-UB-NC ngày 27/01/1999 của UBND Thành phố H với nội dung: *“Công nhận hiện trạng sử dụng cho các hộ Huỳnh Minh T2, Ngô Thị H, Huỳnh Ngọc P theo quyết định số 174/QĐ-UB ngày 02/4/1998 của Ủy ban nhân dân huyện C”*.

- Quyết định số 5505/QĐ-UB-TD ngày 21/9/1999 của UBND Thành phố H với nội dung điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 02/4/1998 của UBND huyện C như sau:

“Công nhận hiện trạng sử dụng đất (khoảng 71,75m²) cho bà Ngô Thị H (theo ranh từ tường rào trở vào).

Phần đất trống khoảng 200m² ở phía sau nhà ông Huỳnh Bội M và bà Ngô Thị H chia đôi cho 2 hộ: Huỳnh Minh T2 và Huỳnh Bội M (con là Huỳnh Ngọc P), mỗi hộ sử dụng ½ diện tích đất”.

- Quyết định số 700/QĐ-UB ngày 05/02/2001 của Chủ tịch UBND Thành phố H với nội dung điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5505/QĐ-UB-TD ngày 21/9/1999 của UBND Thành phố H như sau:

“Giao phần đất trống phía sau nhà ông Huỳnh Bội M và bà Ngô Thị H theo hiện trạng cho gia đình ông Huỳnh Bội M quản lý sử dụng.

Việc ông Huỳnh Bội M đòi lại phần đất có nhà của bà Ngô Thị H do cơ quan Tòa án giải quyết”.

- Quyết định số 3471/QĐ-UB ngày 23/8/2002 của Chủ tịch UBND Thành phố H với nội dung như sau:

“Hủy bỏ quyết định số 700/QĐ-UB ngày 05/02/2001 và quyết định số 5505/QĐ-UB-TD ngày 21/9/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Giữ nguyên nội dung quyết định số 544/QĐ-UB-NC ngày 27/01/1999 về việc công nhận hiện trạng sử dụng cho các hộ Huỳnh Minh T2, Ngô Thị H, Huỳnh Ngọc P theo quyết định số 174/QĐ-UB ngày 02/4/1998 của Ủy ban nhân dân huyện C”.

[2.2] Theo các quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên thể hiện phần đất tranh chấp nằm trong diện tích 875m² gồm các lô số 173, 174, 175, 176, 175-1, 227-1. (Trong đó có thửa số 176, tờ bản đồ số 14, khu phố T là phần đất đang có tranh chấp), có nguồn gốc do ông Huỳnh L5 và bà Ngô Thị X mua lại của bà Lâm Thị L3, và để cho ông Huỳnh Bội M (con của ông L5 và bà X) đứng tên bằng khoán vào năm 1970. Trước năm 1975 có ông Hà H3, ông Huỳnh Muối N (em ông Huỳnh Bội M) và bà Ngô Tăng L4 cùng cư ngụ tại phần đất 875m².

[2.3] Bà P căn cứ vào Quyết định số 700/QĐ-UB ngày 05/02/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố H để khởi kiện đòi ông T, bà H trả lại quyền sử dụng đất, nhưng Quyết định số 700/QĐ-UB đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 3471/QĐ-UB ngày 23/8/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Ngoài ra, bà P không có tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là của ông M (cha bà P). Trong khi đó, ngày 10/12/1990 Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định giao đất số 68/QĐ-GĐ công nhận 71,75m²/875m² cho bà Ngô Tăng L4. Ngày 06/11/1991 Ủy ban nhân dân huyện C cho phép ủy quyền sở hữu nhà giữa bà Ngô Tăng L4 và bà Ngô Thị H. Sở nhà, đất Thành phố Hồ Chí Minh đã công nhận quyền sở hữu nhà cho bà H theo Giấy phép số 6225/GP-CS. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà P là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà P kháng cáo nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1957 nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc P;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc P về việc yêu cầu bà Ngô Thị H, ông Nguyễn Văn T trả lại phần đất có diện tích khoảng 69,6m² thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 66, địa chỉ: F Quốc lộ B, Khu phố E, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà P và các đồng thừa kế.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc P về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 1075A/2004 ngày 21/10/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị H.

[3] Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đối với bà Huỳnh Minh T2 và ông Hồng E về việc trả lại phần đất trống phía sau có diện tích khoảng 176m² thửa đất 175, tờ bản đồ 14, bộ địa chính thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc P về việc yêu cầu tháo dỡ hiện trạng trên phần đất phần đất có diện tích khoảng 69,6m² thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 66, địa chỉ: F Quốc lộ B, Khu phố E, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Ngọc P được miễn.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Đường sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP; NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hòa Hiệp